TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2017/HNGĐ- ST
Ngày 15/12/2017
"V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Văn Quyết.**

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phạm Phúc Ân** - Cán bộ hưu trí phường Sao Đỏ- thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương.

2. Ông **Dương Văn Sinh** - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi Trường thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Việt**- Cán bộ Toà án nhân dân thị xã Chí Linh - Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh - Hải Dương tham gia phiên toà: Bà **Vũ Thị Lệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 373/2017/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2017 về việc *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị N** - sinh năm 1992

Trú tại: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H - Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn D** - sinh năm 1987

Trú tại: Thôn T, xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương- Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/10/2017 và các bản tự khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau ngày 05/11/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã C. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh D tại thôn T, xã H, thị xã C. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014 vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân là do khi chị sinh con anh D không quan tâm giúp chị chăm sóc con. Mặt khác anh D còn đánh chửi chị vô cớ. Bố mẹ chồng và chị chồng chị còn tỏ ra coi thường chị. Chị chồng cùng anh D đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 4/2017 đến nay. Từ đó đến nay chị và anh D không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là Nguyễn Trương Hoài A, sinh ngày 19/12/2014 nay đang ở cùng anh D. Trong thời gian ly thân chị có đến đón con về nhưng gia đình anh D giữ không cho đón và giấu không cho gặp con. Nay chị xác định cháu A còn nhỏ, chưa đủ 3 tuổi do vậy chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu A và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đang làm tại Xưởng gốm sứ ở B T, huyện G, Hà Nội, có lương là 7.000.000đ/tháng. Chị xác định bản thân có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại các bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày như sau:

Về việc kết hôn, anh trình bày như chị N trình bày nêu trên.

Qúa trình chung sống: Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà của bố mẹ anh tại thôn T, xã H, thị xã C. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận. Đến khoảng tháng 5/2017 giữa vợ chồng và giữa chị N và mẹ đẻ anh có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N và mẹ đẻ anh có việc cãi nhau sau đó chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung như chị N khai trên. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Hiện anh đang làm nông nghiệp và đi làm thuê mỗi tháng thu nhập 3.000.000đ.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị N giữ nguyên quan điểm như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo đúng pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị N, xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Trương Hoài A, sinh ngày 19/12/2014 cho Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Văn D là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vậy Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

Chị N và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị N và anh D có mâu thuẫn và anh chị đã ly thân nhau từ tháng 4/2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị N kiên quyết xin ly hôn, anh D nhất trí. Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đỗ thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị N và anh D có 01 con chung là Nguyễn Trương Hoài A, sinh ngày 19/12/2014. Nay chị N và anh D cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu A. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con là nguyện vọng chính đáng của người bố, người mẹ. Song xét về thực tế cháu A còn nhỏ, chưa đủ 3 tuổi. Việc giao con cho chị N là mẹ của cháu là đảm bảo sự phát triển tự nhiên, toàn diện cho cháu A. Con dưới 03 tuổi phải được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, đây là quy định về nguyên tắc của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét chị N có đủ điều kiện nuôi con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, xét quan điểm này của chị N là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận.

Về tài sản: Chị N và anh D trình bày vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Trương Hoài A, sinh ngày 19/12/2014 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0000253 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh. Chị N đã nộp đủ án phí.

Báo chị N biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Chí Linh;
- UBND xã Hoàng Tiến- thị xã Chí Linh;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Quyết